

BIỆN PHÁP NÂNG CAO KĨ NĂNG ĐỌC VĂN BẢN MÔN TIẾNG VIỆT CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Hoàng Thị Quế

Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Sư phạm,

Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

Email: hoaquyeu@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 06/6/2023; Ngày nhận chỉnh sửa: 17/7/2023; Ngày duyệt đăng: 07/8/2023

Tóm tắt

Rèn luyện kĩ năng đọc thành tiếng văn bản môn Tiếng Việt để đạt mục tiêu và yêu cầu của chương trình đào tạo là hoạt động rèn luyện nghề nghiệp quan trọng đối với sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Bài viết này, tác giả trình bày một số kết quả nghiên cứu liên quan đến hoạt động rèn kĩ năng đọc thành tiếng văn bản môn Tiếng Việt của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Đồng Tháp, bao gồm: kết quả nghiên cứu về hoạt động đọc và yêu cầu cần đạt về kĩ năng đọc thành tiếng; kết quả khảo sát thực trạng kĩ năng đọc thành tiếng của sinh viên; một số biện pháp nâng cao kĩ năng đọc thành tiếng văn bản môn Tiếng Việt cho sinh viên dựa trên cơ sở lí luận về hoạt động đọc và thực trạng đã khảo sát.

Từ khóa: *Đọc văn bản, giáo dục tiểu học, kĩ năng, kĩ năng đọc, môn Tiếng Việt, rèn luyện kĩ năng đọc.*

MEASURES TO IMPROVE VIETNAMESE TEXT READING SKILLS FOR PRIMARY EDUCATION STUDENTS, DONG THAP UNIVERSITY

Hoang Thi Que

Faculty of Primary and Preschool Education, School of Education,

Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

Email: hoaquyeu@gmail.com

Article history

Received: 06/6/2023; Received in revised form: 17/7/2023; Accepted: 07/8/2023

Abstract

Practicing reading skills out loud in Vietnamese to achieve the goals and requirements of the training program is an important career training activity for students majoring in Primary Education. This article presents some research results related to the practice of reading aloud Vietnamese texts of students in Primary Education at Dong Thap University, including: research on reading activities and requirements for reading aloud; survey results on these current skills among students; a number of measures for improvement based on the theoretical basis of reading activities and the surveyed situation.

Keywords: *Primary education, reading skills, reading skills training, reading text, skills, Vietnamese subject.*

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.4.2024.1257>.

Trích dẫn: Hoàng, T. Q. (2024). Biện pháp nâng cao kĩ năng đọc văn bản môn Tiếng Việt cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(4), 21-31. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.4.2024.1257>.
Copyright © 2024 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

1. Đặt vấn đề

Kĩ năng đọc là một trong bốn kĩ năng công cụ (đọc, viết, nói và nghe) để giao tiếp của con người. kĩ năng đọc thể hiện ở hai quá trình đọc: đọc thành tiếng và đọc thầm. Để lĩnh hội (còn gọi là tiếp nhận, hiểu) văn bản, mọi người nói chung đều sử dụng cả hai quá trình đọc thành tiếng và đọc thầm. Có thể nói, kĩ năng đọc là một thành phần không thể thiếu của năng lực dạy học, đặc biệt là dạy học môn Tiếng Việt của giáo viên (GV) tiểu học. Còn đối với học sinh (HS), kĩ năng đọc vừa là đối tượng, mục tiêu để học tập, rèn luyện nhằm hiểu văn bản đọc mà chương trình quy định, vừa là công cụ để học tập tốt các môn học ở tiểu học. Vì vậy kĩ năng đọc là cầu nối tạo nên mối quan hệ chặt chẽ giữa GV và HS trong quá trình dạy học ở tiểu học. HS tiểu học khi học môn Tiếng Việt sẽ được rèn luyện kĩ năng đọc thành tiếng đồng thời với đọc thầm để hiểu văn bản đọc theo yêu cầu cần đạt về kĩ năng đọc được thể hiện ở chương trình và sách giáo khoa Tiếng Việt mỗi lớp, dưới sự hướng dẫn và đọc mẫu của GV. Điều này cũng có nghĩa là: Muốn HS tiểu học rèn luyện, phát triển kĩ năng đọc tốt (cả đọc thành tiếng và đọc thầm) các văn bản trong Chương trình giáo dục môn Tiếng Việt, thì trước hết, GV dạy môn Tiếng Việt phải là người có kĩ năng đọc tốt văn bản để làm mẫu về cách đọc thành tiếng và định hướng cho HS đọc hiểu văn bản đọc.

Bài viết này, tác giả bàn về biện pháp nâng cao kĩ năng đọc văn bản môn Tiếng Việt cho sinh viên (SV) ngành Giáo dục Tiểu học (GDTH), Trường Đại học Đồng Tháp nhằm góp phần hoàn thiện năng lực dạy học của SV trước khi họ trở thành GV ở các cơ sở GDTH.

2. Nội dung

2.1. Hoạt động đọc và thực trạng kĩ năng đọc văn bản môn Tiếng Việt của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Đồng Tháp

2.1.1. Hoạt động đọc

Đọc là một dạng hoạt động ngôn ngữ, là “quá trình chuyển dạng thức chữ viết sang lời nói có âm thanh và thông hiểu nó (ứng với các hình thức đọc thành tiếng), là quá trình chuyển trực tiếp từ hình thức chữ viết thành các đơn vị nghĩa không có âm thanh (ứng với đọc thầm)”. (Lovôp - *Cẩm nang dạy học tiếng Nga* (tiếng Nga), dẫn theo Lê & Đặng, 2007, tr. 165). Nói cách khác, đọc là hoạt động nhìn vào chữ viết (một dạng kí hiệu ghi âm thanh của ngôn

ngữ) của văn bản để chuyển chữ viết thành âm thanh (đọc thành tiếng) để chính mình (người đọc) hoặc cả người nghe hiểu nội dung văn bản ấy hay chỉ dừng ở tiếp nhận kí hiệu chữ viết bằng mắt (đọc không thành tiếng - đọc thầm).

Thông thường, khái niệm đọc thành tiếng được sử dụng với nghĩa hẹp, là việc hình thành kĩ năng đọc trùng với nắm kĩ thuật đọc (tức là chuyển dạng thức chữ viết của từ ngữ thành âm thanh). Còn khái niệm đọc thành tiếng, hiểu theo nghĩa rộng, là kĩ thuật đọc cộng với sự thông hiểu văn bản được đọc (hiểu nghĩa của cả câu, cả văn bản).

Hoạt động đọc bao gồm hai quá trình. *Thứ nhất*, quá trình đọc thành tiếng diễn ra bắt đầu bằng sự vận động của mắt đi đôi với việc sử dụng bộ mã chữ - ghi âm cùng với sự vận động của bộ máy phát âm để phát ra âm thanh một cách trung thành những dòng văn tự của văn bản đọc. Đọc thành tiếng là chuyển đổi chính xác và ngày càng nhanh các kí hiệu chữ viết thành kí hiệu âm thanh. Do vậy, chất lượng của đọc thành tiếng trước hết được đo bằng hai phẩm chất: đọc đúng, đọc nhanh (lưu loát, trôi chảy). Đọc thành tiếng không chỉ là hoạt động đọc nhằm hiểu văn bản đọc cho chính mình, mà còn làm cho người khác (người nghe, HS cùng lớp chẳng hạn) cũng hiểu được văn bản giống mình. Vì vậy, khi đọc thành tiếng, người đọc đã tham gia vào quá trình tái sản sinh văn bản. Người đọc có nhiệm vụ truyền cảm xúc của văn bản mình đọc đến với người nghe. Truyền cảm cũng là phẩm chất của đọc thành tiếng và trở thành một yêu cầu cần thiết của kĩ năng đọc. *Thứ hai*, đồng thời với quá trình đọc thành tiếng là *quá trình đọc hiểu*. Đây là quá trình vận động của tư tưởng, tình cảm, là quá trình người đọc sử dụng bộ mã chữ - nghĩa (tức là mối liên hệ giữa các con chữ và ý tưởng, các khái niệm chứa đựng bên trong chữ viết (dạng từ ngữ) để nhớ và hiểu nội dung những gì đọc được ở văn bản. Mục đích của đọc hiểu là làm rõ nghĩa các từ ngữ, câu văn, thơ..., làm rõ nội dung và đích thông báo của văn bản đọc. Do vậy, quá trình đọc hiểu không chỉ là sự vận động của cơ quan thị giác, của bộ máy phát âm mà còn là sự vận động trí tuệ của người đọc.

Kĩ năng đọc là một kĩ năng phức tạp, đòi hỏi một quá trình rèn luyện lâu dài, trải qua ba giai đoạn: đọc phân tích, đọc tổng hợp và đọc tự động hóa. Ba giai đoạn hình thành và phát triển kĩ năng đọc thể hiện ở

mức độ đạt được với HS các lớp tiểu học như sau: Với lớp 1, HS bắt đầu hình thành kỹ năng đọc phân tích (mức độ thấp của đọc hiểu) các chữ cái ghi âm, vần, tiếng, từ, câu. Và bước đầu HS làm quen với đọc tổng hợp (mức độ cao của đọc hiểu). Đọc tổng hợp nghĩa là HS đọc từ ngữ, câu, văn bản bằng thị giác và phát âm gần như trùng với nhận thức ý nghĩa của từ ngữ, câu, văn bản đọc. Với lớp 2 và lớp 3, HS đọc tổng hợp ở mức độ thành thạo. Nghĩa là HS đã thực hiện đọc nội dung, đọc hình thức gắn với đọc hiểu các văn bản đọc. Với lớp 4 và lớp 5, HS không chỉ đạt mức độ đọc tổng hợp mà còn đạt mức độ tự động hóa. Nghĩa là, quá trình đọc nội dung và đọc hình thức của văn bản gắn với đọc hiểu văn bản diễn ra có sự can thiệp của tư duy, của ý thức người đọc. Vì vậy, trong quá trình đọc, HS chú ý nhiều đến việc chiếm lĩnh để hiểu văn bản đọc thông qua các yếu tố cấu thành văn bản như: nội dung sự kiện, cấu trúc của văn bản, chủ đề, các phương tiện biểu đạt..., thể hiện nội dung và tư tưởng, tình cảm mà tác giả thể hiện ở văn bản...

Còn đối với người trưởng thành, kỹ năng đọc gần như đã hoàn thiện và đạt đến sự hòa nhập của giai đoạn đọc tổng hợp và giai đoạn đọc tự động hóa. Hoạt động đọc đối với người trưởng thành thường gắn với yêu cầu của công việc, gắn với yêu cầu học tập và nghiên cứu (học suốt đời) hoặc gắn với nhu cầu giải trí...

2.1.2. Yêu cầu cần đạt và thực trạng kỹ năng đọc thành tiếng văn bản môn Tiếng Việt của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Đồng Tháp

a. Yêu cầu cần đạt về kỹ năng đọc thành tiếng văn bản môn Tiếng Việt đối với sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Đồng Tháp

SV ngành GDTH của Trường Đại học Đồng Tháp thuộc nhóm người đã trưởng thành nên kỹ năng đọc đã được hoàn thiện cơ bản, đáp ứng nhu cầu của việc học tập và giao tiếp. Kể từ sau khi học xong cấp tiểu học đến khi tốt nghiệp trung học phổ thông, hoạt động đọc của các em là đọc tổng hợp và tự động hóa. Tức là các em đã sử dụng kỹ năng đọc được hoàn thiện nói trên vào hoạt động học tập, nghiên cứu hoặc giải trí..., hằng ngày.

Tuy nhiên, khi vào học ngành GDTH của Trường Đại học Đồng Tháp, để đạt mục tiêu đào tạo trở thành GV tiểu học, các em không chỉ được học các kiến thức và kỹ năng cần thiết mà còn được rèn luyện và phát triển các kỹ năng công cụ như đọc, viết,

nói và nghe đạt mức độ cao hơn những người trưởng thành khác. Do yêu cầu nghề nghiệp, các kỹ năng công cụ, đặc biệt là kỹ năng đọc được sử dụng nhiều trong các hoạt động dạy học hằng ngày của người GV tiểu học. Và quan trọng hơn cả là kỹ năng đọc được GV tiểu học sử dụng để đọc làm mẫu và hướng dẫn HS cách đọc các văn bản cần đọc hiểu theo quy định của chương trình... Chính đặc điểm này đã đặt ra yêu cầu SV ngành GDTH, Trường Đại học Đồng Tháp cần phải rèn luyện để phát triển kỹ năng đọc đạt được ở mức độ cao, nhằm đáp ứng yêu cầu “đọc mẫu” khi đọc thành tiếng trong quá trình dạy đọc các văn bản môn Tiếng Việt cho HS các lớp tiểu học ở các mức độ đọc đúng, đọc diễn cảm. Yêu cầu cần đạt cụ thể ở từng mức độ đọc như sau:

Thứ nhất, đọc đúng: Thể hiện giọng đọc rõ tiếng, rõ lời; đọc đúng chính âm (tức là đọc đúng từng âm vị và âm vị siêu đoạn tính - các dấu ghi thanh trong tiếng Việt); ngắt giọng, nghỉ hơi đúng chỗ theo logic (nghĩa là ngắt giọng và nghỉ hơi sau các dấu ở trong câu và dấu kết thúc câu); ngắt giọng theo cảm xúc (nghĩa là ngắt giọng dựa vào ngữ nghĩa của cụm từ trong câu văn) để tái hiện chính xác văn bản viết bằng âm thanh, giọng đọc.

Thứ hai, yêu cầu cần đạt về đọc diễn cảm: thể hiện khi đọc văn bản biết hướng tới người nghe; có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa nắm vững kỹ thuật đọc đúng với kỹ thuật thể hiện ngữ điệu đọc truyền cảm (ngoài ngắt, nghỉ hơi đúng còn phải thể hiện được kỹ thuật nhấn giọng vào các tiếng, từ ngữ quan trọng thể hiện tư tưởng chủ đề, từ ngữ thể hiện các phương tiện biểu đạt nghệ thuật, các từ có vần, sử dụng thành thạo kỹ thuật lên xuống giọng... và kỹ thuật sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (nét mặt, cử chỉ, điệu bộ,...) phù hợp, góp phần diễn tả nội dung và tư tưởng, tình cảm của văn bản đọc, tạo cảm xúc cho người nghe.

b. Thực trạng kỹ năng đọc của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Đồng Tháp

Để nắm được thực trạng kỹ năng đọc văn bản môn Tiếng Việt của SV, chúng tôi đã khảo sát 200 SV năm thứ hai (hệ đại học chính quy và hệ liên thông vừa làm vừa học) của ngành GDTH, Trường Đại học Đồng Tháp ngay sau khi SV vừa học xong học phần “Kỹ năng sử dụng tiếng Việt” với thời lượng học 08/30 tiết dành cho nội dung chương 1 “Rèn luyện kỹ năng đọc diễn cảm”. Sau đây là một vài kết quả khảo sát:

Bảng 1. Kết quả khảo sát nhận thức của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học về sự cần thiết phải nghiên cứu lí thuyết và rèn luyện kĩ năng đọc thành tiếng diễn cảm

Nội dung khảo sát	Kết quả mức độ nhận thức của SV					
	Rất cần thiết		Bình thường		Không cần thiết	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Anh (chị) hãy cho biết ý kiến của mình về mức độ cần thiết phải nghiên cứu lí thuyết và rèn luyện kĩ năng đọc thành tiếng diễn cảm đối với SV ngành GDTH	136	68	22	11	42	21

Kết quả khảo sát nhận thức của SV về sự cần thiết phải được học tập, nghiên cứu và rèn luyện kĩ năng đọc diễn cảm trong học phần “Kĩ năng sử dụng tiếng Việt” của chương trình đào tạo sư phạm ngành GDTH cho thấy: có 68% (136/200 SV) cho rằng nội dung học lí thuyết về kĩ năng đọc rất cần thiết; 11% (22/200 SV) cho là bình thường; 21% (42/200 SV) cho rằng không cần thiết. Từ kết quả khảo sát này, chúng tôi thấy đa số SV đã nhận thức đúng sự cần thiết phải học tập, rèn luyện để chiếm lĩnh kĩ năng đọc, nghĩa là kĩ năng đọc phải trở thành một bộ phận của năng lực sư phạm, đáp ứng yêu cầu của mục tiêu đào tạo. Tuy nhiên, chúng tôi cũng thấy số lượng SV nhận thức chưa đúng (không cần thiết và bình thường) khi học tập, rèn luyện về kĩ năng đọc chiếm tỉ lệ khá

cao (32%). Tỉ lệ này thể hiện sự nhận thức lệch lạc của sinh viên về mục tiêu học tập. Bởi lẽ, kĩ năng đọc không chỉ là kĩ năng công cụ để SV học tập, nghiên cứu tất cả các môn học trong chương trình đào tạo mà kĩ năng đọc còn là phương tiện để họ thực hiện nhiệm vụ giảng dạy ở tiểu học với tư cách là GV dạy lớp, nhất là dạy môn Tiếng Việt. Nếu SV có kĩ năng đọc tốt (hay nói đúng hơn là năng lực đọc tốt) thì họ sẽ có một công cụ không chỉ để học tập tốt mà còn để dạy tốt môn Tiếng Việt ở tiểu học sau khi tốt nghiệp đại học sư phạm. Điều này đặt ra vấn đề: phải định hướng cho SV có nhận thức đúng (sự cần thiết) phải học tập, nghiên cứu rèn luyện để hoàn thiện hơn kĩ năng đọc nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo kĩ năng nghề nghiệp cho SV (những GV tiểu học tương lai).

Bảng 2. Kết quả khảo sát nhận thức của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học về tầm quan của kĩ năng đọc thành tiếng

Nội dung khảo sát	Kết quả mức độ nhận thức của SV					
	Rất cần thiết		Bình thường		Không cần thiết	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Anh (chị) hãy cho biết ý kiến của mình về mức độ quan trọng của kĩ năng đọc thành tiếng diễn cảm văn bản môn Tiếng Việt	190	95	10	05	0	0

Khảo sát nhận thức của SV về tầm quan trọng của kĩ năng đọc thành tiếng (với yêu cầu không chỉ đọc đúng mà còn phải đọc diễn cảm), cho thấy, 95% (190/200 SV) nhận thức được kĩ năng đọc thành tiếng (đặc biệt là mức độ đọc diễn cảm) văn bản môn Tiếng Việt có vai trò rất quan trọng trong nhóm các kĩ năng

công cụ cũng như kĩ năng nghề nghiệp mà người SV cần được chuẩn bị trong quá trình đào tạo để trở thành GV tiểu học. Còn lại 5% (10/200 SV) cho là quan trọng. Kết quả khảo sát này thể hiện SV đã nhận thức đúng về một trong các mục tiêu đào tạo kĩ năng nghề cho SV của Trường Đại học Đồng Tháp.

Bảng 3. Kết quả khảo sát nhận thức của sinh viên về thời lượng học kĩ năng đọc thành tiếng diễn cảm trong học phần “Kĩ năng sử dụng Tiếng Việt” của chương trình đào tạo

Nội dung khảo sát	Kết quả mức độ nhận thức về số tiết học của SV							
	Số tiết nhiều		Số tiết vừa đủ		Số tiết còn ít		Số tiết quá ít	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Anh (chị) hãy cho biết ý kiến của mình về số tiết học (08 tiết/30 tiết) trong học phần “Kĩ năng sử dụng tiếng Việt” của chương trình đào tạo có đủ để SV nắm vững lí thuyết và rèn luyện tốt kĩ năng đọc thành tiếng diễn cảm	0	0	0	0	50	25	150	75

Khảo sát về thời lượng dành cho SV nghiên cứu học tập, rèn luyện kỹ năng đọc trong học phần của chương trình đào tạo ở học kỳ 2 năm thứ nhất (như trên đã nói, được bố trí 08 tiết học/ 30 tiết) thì có tới 75% (150/200 SV) cho rằng thời lượng học “quá ít tiết” và 25% (50/200 SV) cho là “ít tiết”. Do thời lượng học ít nên phương pháp dạy học chủ yếu là giảng viên yêu cầu SV tự nghiên cứu và giảng viên chốt lại kiến thức ở lớp phần lí thuyết về “phương pháp đọc diễn cảm”, trong khoảng 1 đến 2 tiết. Mục tiêu của việc chốt lại kiến thức lí thuyết nhằm giúp SV hiểu được nội dung chính “Tìm hiểu về kỹ năng đọc thành tiếng: Mục đích của rèn luyện kỹ năng đọc, Các hình thức đọc, kỹ năng đọc thành tiếng, kỹ năng đọc thầm” (Trường Đại học Đồng Tháp, 2018, 2019, 2020). Số

tiết còn lại (6 hoặc 7 tiết), giảng viên dành cho việc hướng dẫn SV về cách đọc và SV luyện tập cách đọc các văn bản môn Tiếng Việt ở tiểu học (gồm các loại văn bản như: Văn bản miêu tả, văn bản kể chuyện, văn bản khoa học, văn bản báo chí, văn bản thơ...). Thời lượng nghiên cứu và luyện tập thực hành quá ít tất yếu chưa thể giúp SV nâng kỹ năng đọc của mình từ mức cơ bản sau tốt nghiệp trung học phổ thông thành năng lực đọc theo yêu cầu của mục tiêu đào tạo kỹ năng nghề nghiệp của GV tiểu học. Điều này đặt ra yêu cầu phải tổ chức cho SV tự rèn luyện thêm kỹ năng đọc trong quá trình học tập ở trường sư phạm một cách nghiêm ngặt bằng những biện pháp hợp lí để hoàn thiện kỹ năng đọc cho họ đáp ứng được mục tiêu đào tạo của ngành học.

Bảng 4. Kết quả khảo sát sinh viên đánh giá mức độ đạt được kỹ năng đọc thành tiếng diễn cảm của bản thân

Nội dung khảo sát	Kết quả tự đánh giá của SV về mức độ đạt kỹ năng đọc thành tiếng diễn cảm							
	Rất tốt		Tốt		Bình thường		Không tốt	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Anh (chị) hãy tự đánh giá mức độ đạt được về kỹ năng đọc thành tiếng diễn cảm của bản thân sau thời gian nghiên cứu lí thuyết và rèn luyện kỹ năng đọc thành tiếng diễn cảm	14	07	64	32	78	39	44	22

Khảo sát SV tự đánh giá mức độ đạt được về kỹ năng đọc thành tiếng của bản thân ở cuối năm thứ hai (sau khi đã học xong các học phần bắt buộc về Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1, 2, cho kết quả: 7% (14/200 SV) đạt mức độ “rất tốt”; 32% (64/200 SV) đạt mức độ “tốt”; 39% (78/200 SV) đạt mức “bình thường”; 22% (44/200 SV) ở mức “không tốt”. Kết quả khảo sát này cho thấy, ngoài số SV tự

đánh giá có kỹ năng đọc đạt mức tốt và khá thì còn tới 61% SV chưa đạt yêu cầu về mục tiêu đào tạo kỹ năng nghề nghiệp. Bởi vì, kỹ năng đọc chỉ đạt ở mức “bình thường” chứ chưa nói là “không tốt” thì chỉ là công cụ giúp SV học tập và giao tiếp thông thường chứ chưa thể giúp họ sử dụng để “đọc mẫu” và hướng dẫn cho HS tiểu học về cách đọc đúng, đọc diễn cảm...

Bảng 5. Kết quả khảo sát mức độ sinh viên tự rèn luyện kỹ năng đọc thành tiếng diễn cảm

Nội dung khảo sát	Kết quả đánh giá mức độ tự rèn luyện kỹ năng đọc của SV							
	Thường xuyên tự rèn luyện kỹ năng đọc		Thỉnh thoảng tự rèn luyện kỹ năng đọc		Không tự rèn luyện kỹ năng đọc		Ý kiến khác	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Anh (chị) hãy cho ý kiến về mức độ tự rèn luyện kỹ năng đọc thành tiếng diễn cảm của bản thân để đạt mục tiêu đào tạo	36	18	98	49	20	10	0	0

Để đạt mục tiêu đọc diễn cảm của học phần “Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1”, chương trình quy định SV có 07 tiết để tự rèn luyện kỹ năng đọc diễn cảm (tức là phải đọc thành tiếng và diễn cảm các văn bản trong sách Tiếng Việt các lớp tiểu học) (Trường Đại học Đồng Tháp, 2018, 2019, 2020).

Kết quả khảo sát mức độ SV tự rèn luyện kỹ năng đọc thành tiếng diễn cảm cho thấy: 18% (36/200 SV) tự đánh giá ở mức thường xuyên tự rèn luyện kỹ năng đọc diễn cảm; 23% (46/200 SV) cho rằng mình thường xuyên rèn kỹ năng đọc diễn cảm; 49% (98/200 SV) tự đánh giá chỉ thỉnh thoảng mới rèn kỹ năng đọc diễn

cảm; 10% (20/200 SV) tự đánh giá không tự rèn kỹ năng đọc diễn cảm. Kết quả trên cho thấy, có sự gần tương đương giữa mức độ tự rèn luyện kỹ năng đọc diễn cảm của SV với mức độ tự đạt được về kỹ năng đọc (mức độ chất lượng đọc 61% SV - gồm 39% đạt mức đọc “bình thường” và 22% đạt mức “không tốt”; mức độ tự rèn luyện có 59% SV - gồm 49% chỉ thỉnh thoảng mới rèn đọc và 10% SV không tự rèn đọc). Từ kết quả khảo sát này, có thể kết luận, chất lượng rèn luyện kỹ năng đọc diễn cảm của SV tỉ lệ thuận với ý thức thường xuyên hay không thường xuyên tự rèn luyện kỹ năng đọc của SV. Điều này cũng đòi hỏi phải có biện pháp quản lý, đánh giá đúng hoạt động tự rèn luyện kỹ năng đọc của SV thì mới nâng cao được hiệu quả theo mục tiêu đào tạo.

Từ những nghiên cứu về hoạt động đọc, yêu cầu cần đạt về đọc thành tiếng và diễn cảm và việc phân tích kết quả khảo sát kỹ năng đọc của SV nói trên, chúng tôi có cơ sở khoa học cả về lý luận và thực tiễn để đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao kỹ năng đọc văn bản môn Tiếng Việt cho SV ngành GDTH, Trường Đại học Đồng Tháp dưới đây.

2.2. Một số biện pháp nâng cao kỹ năng đọc văn bản môn Tiếng Việt cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Đồng Tháp

2.2.1. Nâng cao nhận thức và phát huy tính tích cực chủ động của sinh viên trong hoạt động rèn luyện kỹ năng đọc thành tiếng diễn cảm văn bản môn Tiếng Việt

Đặc điểm chung của hoạt động đọc văn bản đối với người trưởng thành, trong đó có SV ngành GDTH, Trường Đại học Đồng Tháp cho thấy: Hầu hết mọi người sử dụng kỹ năng đọc bằng hình thức đọc thầm để tiếp nhận văn bản nhằm phục vụ cho các hoạt động học tập và giao tiếp hằng ngày. Sở dĩ như vậy vì đọc thầm có những ưu thế như: quá trình đọc diễn ra nhanh (việc tiếp nhận kí hiệu chữ viết của văn bản với việc hiểu nghĩa của câu chữ xảy ra gần như cùng một lúc bởi sự trợ giúp của các thao tác tư duy). Đọc thầm giúp cho người đọc đọc nhanh văn bản, ít mệt (vì không phải sử dụng các cơ quan của bộ máy phát âm) và không đòi hỏi người đọc phải vận dụng kỹ thuật thể hiện ngữ điệu đọc như đọc thành tiếng, cũng không đòi hỏi người đọc phải sử dụng kỹ thuật phối hợp các cơ quan của bộ máy phát âm với kỹ thuật sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (như ánh mắt, nét mặt, miệng cười và cử chỉ, điệu bộ khác...). Nhưng

đối với GV tiểu học, đọc (trong các hoạt động dạy học) và đọc làm mẫu cho HS đọc văn bản môn Tiếng Việt thì GV phải đọc thành tiếng và diễn cảm. Đặc điểm này đòi hỏi SV phải tích cực tự rèn luyện thêm về kỹ năng đọc thành tiếng diễn cảm.

Rèn luyện (hay tập luyện, luyện tập) là thuật ngữ hàm nghĩa chỉ việc “làm đi làm lại nhiều lần một nội dung gì đó để cho thành thạo” (Hoàng & cs., 2020, tr. 952). Vậy, hoạt động tự rèn đọc hay tự luyện đọc thành tiếng của SV được hiểu là hoạt động đọc do SV thực hiện lặp đi lặp lại nhiều lần một văn bản môn Tiếng Việt để đạt yêu cầu về các mức độ cần đạt của kỹ năng đọc thành tiếng và diễn cảm. Đối với SV ngành GDTH, rèn luyện kỹ năng đọc thành tiếng văn bản môn Tiếng Việt phải tuân thủ theo quy trình gồm nhiều hoạt động cụ thể như: xác định mục tiêu và yêu cầu rèn đọc thành tiếng, lựa chọn các văn bản phù hợp để rèn đọc, lập kế hoạch rèn đọc của cá nhân và thực hiện kế hoạch, tự đánh giá kết quả rèn đọc của bản thân và tự đánh giá kết quả rèn đọc trong nhóm nhỏ,...

Như trên đã đề cập, thời lượng để sinh viên học tập, rèn luyện kỹ năng đọc thành tiếng diễn cảm trong chương trình đào tạo là quá ít. Do đó, để đạt được kỹ năng đọc thành tiếng diễn cảm ở mức cao, SV phải tự rèn luyện kỹ năng đọc thành tiếng và diễn cảm ở ngoài thời gian học trên lớp. Việc tự rèn luyện kỹ năng đọc của SV có những yếu tố tác động cả về chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến chất lượng rèn luyện như: Về chủ quan, nếu SV không tự ý thức được nhiệm vụ phải tích cực tự rèn luyện kỹ năng đọc thì việc lâu lâu mới đọc một văn bản trong sách Tiếng Việt tiểu học, thậm chí SV quên luôn không tự đọc văn bản môn Tiếng Việt (59% kết quả khảo sát cho thấy) sẽ dẫn đến hiệu quả rèn kỹ năng đọc của SV rất thấp. Về khách quan, với đối tượng SV là người đã trưởng thành đi học, không có chuyên giảng viên thường xuyên nhắc nhở SV về việc tự học mà họ phải tự ý thức về việc học của mình. Ngoài ra, từ sau khi học xong cấp Tiểu học, HS sẽ dần dần ít sử dụng kỹ năng đọc thành tiếng (ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông) mà chủ yếu đọc thầm văn bản cần tìm hiểu đã thành thói quen. Nay theo yêu cầu của mục tiêu đào tạo đòi hỏi SV quay trở lại với việc rèn đọc thành tiếng làm cho họ gượng gạo khó thực hiện. Đó là chưa nói đến môi trường học tập, không gian tự học của SV, thời gian dành cho việc rèn luyện kỹ năng đọc thành tiếng vào lúc nào..., đều tạo nên những cái “khó” làm cho SV

không tự tin trong quá trình tự học, tự rèn luyện không chỉ đối với kỹ năng đọc thành tiếng mà cả với nhiều hoạt động khác nữa trong học tập.

Với những phân tích ở trên, việc nâng cao nhận thức và phát huy tích cực chủ động của SV trong hoạt động rèn luyện kỹ năng đọc thành tiếng diễn cảm văn bản môn Tiếng Việt là một trong những biện pháp cần thiết để nâng chất lượng rèn luyện kỹ năng đọc của SV. Biện pháp này yêu cầu cả giảng viên và SV phải thực hiện nghiêm ngặt các việc sau:

Thứ nhất, giảng viên phụ trách học phần “Kỹ năng sử dụng tiếng Việt” và học phần “Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1” là người có vai trò trực tiếp định hướng, thiết kế, hướng dẫn SV tự rèn luyện để đạt yêu cầu về kỹ năng đọc theo mục tiêu môn học góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo chung của chương trình. Vì vậy, trong suốt quá trình hướng dẫn SV nghiên cứu học tập và luyện tập, giảng viên bằng việc phân tích, diễn giải của mình phải làm cho mỗi SV hiểu và tự nhận thức sâu sắc: rèn luyện về kỹ năng đọc thành tiếng và diễn cảm không chỉ là yêu cầu cần đạt SV phải hoàn thành theo mục tiêu dạy học của học phần và mục tiêu đào tạo (của chương trình đào tạo GV tiểu học trình độ đại học) mà còn là mục tiêu lâu dài đạt đến “năng lực đọc”. Đây là năng lực vô cùng quan trọng thuộc nhóm năng lực nghề nghiệp của người GV tiểu học.

Thứ hai, SV phải chủ động, tích cực nghiên cứu, tìm hiểu để nắm vững yêu cầu cần đạt về các mức độ của kỹ năng đọc thành tiếng và diễn cảm, đối tượng mà bản thân SV phải chiếm lĩnh để ngày càng hoàn thiện hơn cả trước và sau khi tốt nghiệp sư phạm.

Thứ ba, giảng viên có thể tổ chức cho SV xem các video clip dạy học Tiếng Việt (hoặc xem trực tiếp tiết dạy làm mẫu ở trường tiểu học) trong đó có hoạt động đọc mẫu của GV tiểu học và yêu cầu SV quan sát, phân tích mức độ mà GV tiểu học đã đạt được khi đọc mẫu thành tiếng văn bản môn Tiếng Việt, phát hiện những sai sót (nếu có) trong khi đọc của GV qua video clip hoặc của tiết dạy mẫu đã xem. Còn SV, khi xem các video clip hoặc tiết dạy mẫu môn Tiếng Việt, cần tự đối chiếu, tự đánh giá mức độ đạt được của mình về kỹ năng đọc thành tiếng và diễn cảm so với mức độ của GV tiểu học đã thể hiện trong các video clip mẫu hoặc tiết dạy đọc hiểu đã xem, để biết được mức độ đọc thành tiếng văn bản môn Tiếng Việt của mình đã đạt đến đâu mà có kế hoạch luyện tập hợp lý.

2.2.2. Hướng dẫn sinh viên xác định cách đọc thích hợp đối với mỗi loại văn bản khi rèn kỹ năng đọc thành tiếng

Mỗi loại văn bản môn Tiếng Việt được đưa vào dạy học trong Chương trình Giáo dục phổ thông cấp Tiểu học có những đặc điểm riêng biệt về cả nội dung và hình thức nhằm chuyển tải được các nội dung khác nhau khi phản ánh hiện thực cuộc sống theo ý đồ của tác giả. Muốn đọc thành tiếng diễn cảm một văn bản hoặc hướng dẫn cho HS có cách đọc thành tiếng phù hợp, GV tiểu học phải nắm vững đặc điểm thể loại của văn bản. Và như một hệ quả tất yếu, SV ngành GDTH trước khi trở thành GV cũng phải nắm vững đặc điểm thể loại của mỗi loại văn bản để việc rèn luyện kỹ năng đọc thành tiếng và diễn cảm hiệu quả.

Theo định hướng của Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn đối với cấp Tiểu học, ngữ liệu được gợi ý sử dụng để các nhóm tác giả sách giáo khoa Tiếng Việt các lớp lựa chọn đưa vào sách để HS đọc hiểu bao gồm cả văn bản văn học và văn bản thông tin. Văn bản văn học gồm các loại chính: văn bản tự sự (văn bản kể chuyện, văn bản kịch,...), văn bản văn xuôi trữ tình (văn bản miêu tả, bút kí, nhật kí, tùy bút...) và văn bản văn vần (thơ, ca dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè...). Văn bản văn học không chỉ đòi hỏi HS đọc thành tiếng ở mức độ đọc đúng, rõ ràng, lưu loát mà còn phải diễn cảm... Văn bản thông tin gồm các thể loại chính như: Thông báo, đơn, bản tin, bảng quảng cáo, báo cáo, hướng dẫn sử dụng đồ dùng, văn bản hành chính, văn bản khoa học, văn bản luật,... Các văn bản thông tin nói chung chỉ yêu cầu HS đọc thành tiếng chính xác về câu chữ, trôi chảy và hiểu nội dung văn bản là chính chứ không đòi hỏi phải đọc diễn cảm như các văn bản văn học.

Muốn xác định đúng cách đọc thành tiếng văn bản hợp lý và thể hiện được sự diễn cảm khi đọc, người đọc phải dựa vào đặc điểm của từng kiểu loại văn bản. Do vậy, giảng viên cần chỉ dẫn cho SV nghiên cứu để hiểu rõ đặc điểm chủ yếu, nhất là đặc điểm về hình thức của các văn bản môn Tiếng Việt, từ đó xác định cách đọc thích hợp với mỗi loại văn bản.

- Cách đọc văn bản tự sự:

Trên cơ sở hiểu rõ các đặc điểm của văn bản tự sự môn Tiếng Việt ở tiểu học, SV có thể xác định yêu cầu chung và cách đọc các văn bản tự sự như sau:

+ Yêu cầu đọc văn bản tự sự: Người đọc phải bám sát các đặc điểm của thể loại truyện hoặc kịch

(nắm được cốt truyện, hệ thống nhân vật, đọc hiểu ý nghĩa truyện theo diễn biến cốt truyện, bố cục, bối cảnh, theo nhân vật, theo mạch kể của người dẫn chuyện và các đặc điểm riêng về thi pháp, những đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm...).

+ Cách đọc thành tiếng và diễn cảm văn bản tự sự: Trước hết, phải thể hiện giọng điệu khác nhau của người kể chuyện (người dẫn chuyện) với giọng điệu của các nhân vật trong câu chuyện kể (hoặc trong văn bản kịch). Lời của người dẫn chuyện phải được đọc với giọng rõ ràng, mạch lạc; ngắt hơi và nghỉ hơi đúng dấu câu. Đọc giọng điệu của mỗi nhân vật phải thể hiện được sự khác nhau về tuổi tác (giữa người già và người trẻ tuổi), sự phân biệt về vai (quan hệ xã hội, địa vị của mỗi nhân vật...). Đồng thời, khi đọc phải chú ý nhấn giọng (lên, xuống giọng) ở ngôn từ, cách xưng gọi của nhân vật; các từ ngữ, các chi tiết hình ảnh so sánh, nhân hóa...; các biện pháp nghệ thuật ... miêu tả chân dung, hành động, nội tâm,... của nhân vật trong câu chuyện hoặc văn bản kịch.

Vi dụ, cách đọc bài đọc là văn bản kể chuyện “Chuyện bốn mùa” (Nguyễn & cs., 2021, tr. 26).

+ Đọc giọng trôi chảy toàn bộ văn bản câu chuyện;

+ Đọc giọng phân biệt được lời của người dẫn chuyện (giọng đọc thông thả) với lời của các nhân vật trong câu chuyện (giọng nàng Đông buồn bã, giọng nàng Xuân vui tươi, giọng nàng Thu nhỏ nhẹ, giọng nàng Hạ tinh nghịch, giọng bà Đất vui vẻ, dịu dàng);

+ Đọc nhấn giọng ở các từ ngữ chỉ đặc điểm của từng mùa, như: *đâm chồi nảy lộc, phải có nắng, đơm trái ngọt, vườn bưởi chín vàng, bập bùng bếp lửa, cây lá tươi tốt, trái ngọt, hoa thơm, trời xanh cao, áp ủ mầm sống...*;

+ Đọc ngắt hơi và nghỉ hơi đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, nhất là ở những câu văn dài, chẳng hạn: *Nhưng phải có nắng của em Hạ,/ cây trong vườn/ mới đơm trái ngọt.//; Cháu có công áp ủ mầm sống/ để cây cối đâm chồi/ nảy lộc.//; ...* (Nguyễn, 2021, tr. 34).

+ Giọng đọc truyền được cảm xúc đến với HS lớp 2, để các em hiểu được nội dung câu chuyện kể: *Mỗi mùa trong năm đều có vẻ đẹp riêng, đều có ích cho cuộc sống.*

Ghi chú: Kí hiệu một gạch chéo (/) là thể hiện yêu cầu phải ngắt hơi (nghỉ ngắn); kí hiệu hai gạch chéo (//) yêu cầu phải nghỉ hơi (nghỉ lâu) khi đọc.

- *Cách đọc các văn bản văn xuôi trữ tình*:

Yêu cầu của việc đọc thành tiếng diễn cảm chung cho các văn bản văn xuôi được lựa chọn dạy ở chương trình giáo dục tiểu học là phải đọc đúng, rõ ràng, mạch lạc, trôi chảy câu, đoạn và toàn bộ văn bản.

Về cách đọc văn bản văn xuôi, người đọc thường đọc bằng giọng thông thả, rõ ràng, mạch lạc, diễn cảm. Khi đọc, gặp các dấu phẩy (,) hay dấu chấm phẩy (;) trong câu phải ngắt hơi (nghỉ hơi ngắn). Mỗi câu văn xuôi đã đủ ý nên phải nghỉ hơi (nghỉ lâu) ở cuối câu. Ngoài ra, người đọc còn phải tùy thuộc vào nội dung biểu đạt của câu văn mà ngắt hơi cho thích hợp ở chỗ không đặt dấu câu (nhằm ngắt hơi sau các cụm từ có nghĩa đầy đủ trong câu) để bộc lộ rõ cảm xúc, tình cảm của tác giả.

Đọc văn bản văn xuôi cũng cần chú ý thể hiện ngữ điệu giọng đọc cho phù hợp với nội dung văn bản bằng việc nhấn giọng, kéo dài giọng, thay đổi giọng to hay nhỏ, nhanh hay chậm, sôi nổi hay trầm lắng tha thiết ở mỗi đoạn văn của văn bản...

Vi dụ, cách đọc bài đọc là văn bản văn xuôi “Nhớ lại buổi đầu đi học” (Nguyễn, & cs., 2022a, tr. 20).

+ Đọc trôi chảy toàn văn bản; giọng đọc toàn bài thông thả, chậm rãi, nhấn giọng những từ ngữ thể hiện vẻ đẹp của cảnh vật, hoạt động và cảm xúc của bạn nhỏ và các bạn HS, chẳng hạn như: Đoạn 1 nhấn giọng ở các từ ngữ: *cuối thu, nao nức, mơn man, nảy nở, mỉm cười; đoạn 3, nhấn giọng vào các từ ngữ: nép, từng bước nhẹ, ngập ngừng e sợ, thềm vụng, ước ao thắm, rụt rè...*;

+ Đọc ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng lô gic ngữ nghĩa và ngắt hơi biểu cảm (ngắt hơi sau cụm từ đủ nghĩa hoặc sau từ ngữ thể hiện cảm xúc của người đọc) ở những câu văn dài, chẳng hạn như: *Tôi quên thế nào được/ những cảm giác trong sáng ấy/ nảy nở trong lòng tôi/ như mấy cánh hoa tươi/ mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.// Buổi mai hôm ấy,/ một buổi mai đầy sương thu/ và đầy gió lạnh,/ mẹ tôi/ âu yếm nắm tay tôi/ dẫn đi/ trên con đường dài/ và hẹp.// Cảnh vật chung quanh tôi/ đều thay đổi/ vì chính lòng tôi/ đang có sự thay đổi lớn:/ hôm nay tôi đi học.//; Họ thềm vụng/ và ước ao thắm/ được như những học trò cũ,/ biết lớp,/ biết thầy/ để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ.//; ...* (Nguyễn & cs., 2022a, tr. 95).

+ Giọng đọc truyền được cảm xúc đến người nghe, thể hiện được *những hồi tưởng đẹp đẽ của tác giả về buổi đầu đi học.*

- *Cách đọc văn bản văn vần:*

Yêu cầu cần đạt chung khi đọc thành tiếng văn bản văn vần trong sách Tiếng Việt các lớp tiểu học đòi hỏi người đọc phải đọc diễn cảm trên cơ sở đọc đúng, lưu loát, trôi chảy văn bản; vận dụng ngữ điệu đọc (ngắt nghỉ hơi, giọng đọc nhanh hay chậm, cường độ đọc mạnh hay yếu...) và các yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp với mỗi kiểu loại văn bản văn vần; đồng thời phải truyền đạt được nội dung, tình cảm, tư tưởng của tác giả đến với người nghe.

Về cách đọc văn bản văn vần, ngoài việc chú ý về giọng đọc nhẹ nhàng, tha thiết..., thì người đọc còn phải thể hiện:

+ Giọng đọc rõ ràng, rành mạch làm cho hình ảnh, âm điệu, âm hưởng của bài đọc vang lên, mờ ra và đọng lại trong tâm trí của chính người đọc và người nghe;

+ Văn bản văn vần nói chung, thơ nói riêng thường viết theo dòng, có dòng đủ ý, phải nghỉ hơi ở cuối dòng. Dòng thơ chưa đủ ý phải đọc vắt dòng, nghĩa là đọc kéo liền giọng từ những tiếng từ cuối của dòng thơ trên nối với các tiếng từ ở dòng sau đó;

+ Văn bản văn vần thường có nhịp (là bước đi tạo tiết tấu và giai điệu nhạc) nên phải đọc đúng nhịp thơ, tức là ngắt hơi đúng nhịp thơ;

+ Văn bản văn vần có những tiếng, từ vần với nhau (gọi là gieo vần) nên khi đọc phải nhấn giọng ở các tiếng từ có vần để tạo nên sự âm vang của văn bản, ngoài việc nhấn giọng vào các từ ngữ như động từ, tính từ... thể hiện tâm trạng của tác giả hay các từ miêu tả đặc điểm của cảnh vật, con người là đối tượng phản ánh trong văn bản đọc;

+ Khi đọc văn bản văn vần phải đọc bằng sự cảm nhận, phân tích, suy đoán để tìm ra ý ngoài lời; phải tưởng tượng, thể nghiệm để cảm nhận được ý nghĩa ẩn giấu trong mỗi tác phẩm.

Ví dụ, cách đọc văn bản văn vần là bài đọc thơ “Em vui đến trường” (Nguyễn & cs., 2022a, tr. 16).

+ Giọng đọc toàn bài thông thả, rõ ràng, trôi chảy;

+ Nhấn giọng vào các từ ngữ (là các động từ, tính từ...) thể hiện vẻ đẹp của cảnh vật trên con đường và tâm trạng vui vẻ của em nhỏ như: *nhỏ nhỏ, hót véo von, chín đỏ, mỉm cười, nắng hồng, tung tăng, vui phơi phới, ấm áp, trao nhau...*; nhấn giọng vào các từ có gieo vần ở cuối các dòng thơ liền nhau hoặc

cách dòng trong mỗi khổ thơ (khổ thơ 1: nhỏ - đỏ, cành - xanh; khổ thơ 2: mới - phối, phương - trường; khổ thơ 3: ra - hòa).

+ Ngắt nghỉ đúng nhịp thơ của thể thơ 5 chữ, ngắt nghỉ đúng logic ngữ nghĩa (nhịp chủ yếu của các dòng thơ là nhịp 3/2 và 2/3 nhưng cũng có khi là nhịp 1/4. Ví dụ cách ngắt nhịp ở một số dòng thơ:

Tiếng trống/ vừa giục già/

Trang sách hồng/ mở ra/

Giọng thầy/ sao ấm quá!/

Nét chữ em/ hiền hòa.//

Em/ vui cùng bè bạn/

Học hành/ càng hăng say/

Ước mơ/ đầy năm tháng/

Em/lớn lên từng ngày.// (Nguyễn & cs., 2022a, tr. 90).

+ Giọng đọc truyền được cảm xúc đến HS để các em hiểu được nội dung của bài đọc: *Vẻ đẹp của con đường tới trường và niềm vui của bạn nhỏ mỗi ngày ở lớp.*

- *Cách đọc văn bản thông tin:*

Yêu cầu chủ yếu và cách đọc văn bản thông tin là đọc rõ ràng, mạch lạc, trôi chảy; ngắt nghỉ hơi đúng theo chỗ đặt dấu câu trong câu và cuối câu, chủ yếu là theo logic ngữ nghĩa trong văn bản. Khi đọc, người đọc cũng cần nhấn giọng vào các từ ngữ thể hiện đặc điểm nội dung của văn bản thông tin.

Ví dụ, cách đọc bài đọc là văn bản thông tin “Quảng cáo” (Nguyễn & cs., 2022b, tr. 28).

+ Đọc trôi chảy toàn bài đọc, giọng đọc rõ ràng, mạch lạc; giọng đọc toàn bài trong sáng, vui tươi;

+ Đọc ngắt hơi, nghỉ hơi đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa (nghỉ hơi hợp lí sau mỗi tiết mục được quảng cáo; chú ý ngắt nghỉ ở một số câu dài như: *Hân hạnh chào đón thầy cô giáo, phụ huynh/ và các bạn học sinh.//; Toàn bộ số tiền quyên góp được từ buổi biểu diễn./ Ban Tổ chức dùng để mua quà Tết/ tặng các bạn thiếu nhi/ ở mái ấm Hoa Sữa.//; ...*

+ Đọc nhấn giọng ở các từ ngữ chỉ hoạt động hoặc tên tiết mục biểu diễn như: nhảy hiện đại *Lung linh sắc xuân*, liên khúc *Xuân yêu thương*, hài kịch *Câu chuyện ngày xuân, ...*;

+ Đọc thể hiện được nội dung bài đọc: *Quảng cáo Chương trình văn nghệ Xuân yêu thương của Câu lạc bộ Nghệ sĩ nhí thật sinh động, hấp dẫn.* (Nguyễn & cs., 2022b, 49-50).

2.2.3. *Hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch tự rèn đọc, tự đánh giá và đánh giá trong nhóm kỹ năng đọc thành tiếng văn bản môn Tiếng Việt*

- *Lập kế hoạch tự rèn kỹ năng đọc:*

Kế hoạch tự rèn luyện kỹ năng đọc thành tiếng môn Tiếng Việt là một dạng của “Kế hoạch học tập” của mỗi SV. Kế hoạch học tập là một tập hợp những hoạt động học của một SV được sắp xếp theo một lịch trình, một thời gian cụ thể, theo một thứ tự nhất định nhằm đạt mục đích của việc học. Mỗi người, tùy vào nhu cầu, sẽ lập một kế hoạch học tập riêng, kế hoạch đó có thể thay đổi nhưng điều quan trọng là phải tuân thủ kế hoạch đã đề ra. Việc lập kế hoạch giúp SV làm chủ được thời gian của mình, xác định được nhiệm vụ, mục tiêu cần đạt đối với công việc cụ thể và có những giải pháp phù hợp để thực hiện mục tiêu đó một cách tốt nhất.

Việc tự rèn luyện kỹ năng đọc thành tiếng văn bản môn Tiếng Việt của SV là công việc bắt buộc SV phải thực hiện khi học tập học phần “Kỹ năng sử dụng tiếng Việt” và học phần “Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1” để đạt đến mức độ hoàn thiện về kỹ năng đọc thành tiếng diễn cảm theo mục tiêu của môn học và chương trình đào tạo. Do vậy, mỗi SV phải xây dựng cho mình một kế hoạch rèn đọc thành tiếng diễn cảm các văn bản môn Tiếng Việt để chủ động trong việc rèn luyện kỹ năng này. Tức là mỗi SV phải xây dựng một thời gian biểu cụ thể, hợp lý để rèn đọc thành tiếng các văn bản môn Tiếng Việt mỗi ngày, mỗi tuần, một vài tháng... cho đến khi được giảng viên kiểm tra đánh giá đạt yêu cầu đặt ra theo mục tiêu môn học của chương trình đào tạo giáo viên tiểu học. Kinh nghiệm hướng dẫn SV tự rèn luyện kỹ năng đọc thành tiếng trong những năm qua của chúng tôi cho thấy: Những SV không lập kế hoạch rèn đọc mà chỉ đọc theo tùy hứng, thì thường việc rèn kỹ năng đọc diễn ra không thường xuyên, và khi có công việc khác chiếm nhiều thời gian không còn thời gian để rèn kỹ năng đọc thì họ sẽ dễ dàng bỏ qua hoạt động tự rèn kỹ năng đọc, có khi cả một thời gian dài. Và vì thế, hiệu quả tự rèn kỹ năng đọc thành tiếng văn bản môn Tiếng Việt của họ thường thấp hơn yêu cầu cần đạt theo mục tiêu của học phần và chương trình đào tạo đặt ra. Do đó, giảng viên cần yêu cầu SV có thái độ nghiêm túc khi lập và thực hiện kế hoạch rèn kỹ năng đọc thành tiếng.

Để giúp SV lập kế hoạch tự rèn kỹ năng đọc thành tiếng khoa học, hợp lý, giảng viên cần lưu ý SV thực hiện các bước chủ yếu sau:

- *Bước 1.* Xác định mục tiêu tự rèn kỹ năng đọc: SV phải xác định rõ mục tiêu trước mắt là rèn luyện để kỹ năng đọc của cá nhân đạt đến mức độ không chỉ đọc thành tiếng mà còn phải đọc diễn cảm (tùy vào yêu cầu đọc với mỗi kiểu loại văn bản). Mục tiêu lâu dài là kỹ năng đọc phải đạt yêu cầu đọc làm mẫu cho HS trong quá trình dạy đọc hiểu văn bản môn Tiếng Việt ở các lớp tiểu học.

- *Bước 2.* Xác định số lượng văn bản rèn đọc và thời gian dành cho rèn đọc hằng ngày, hằng tuần, có thể đo lường, đánh giá được.

Ví dụ, số lượng văn bản cần rèn đọc trong một tuần gồm 04 văn bản (01 văn bản kể chuyện, 01 văn bản văn xuôi trữ tình, 01 văn bản thơ, 01 văn bản thông tin). Về thời lượng dành cho rèn đọc thành tiếng văn bản mỗi ngày 30 phút. Thời gian cụ thể dành cho hoạt động rèn đọc khoảng 30 phút/ ngày khi rảnh rỗi là rèn kỹ năng đọc.

- *Bước 3.* Lập danh mục các văn bản cần rèn đọc hằng tuần: SV cần đọc kỹ mục lục các văn bản (bài đọc) ở sách Tiếng Việt các lớp tiểu học để lựa chọn lập ra một danh mục cụ thể các văn bản cần dùng cho việc rèn đọc trong một tuần. Khi lập danh mục bài đọc, SV cần lưu ý không chỉ chọn một kiểu loại văn bản để lập danh mục văn bản đọc trong một tuần, vì như vậy việc rèn kỹ năng đọc thành tiếng và diễn cảm dễ nhàm chán, mà nên kết hợp rèn đọc tất cả các kiểu loại văn bản có trong sách Tiếng Việt các lớp.

- *Bước 4.* Lập bảng để theo dõi việc thực hiện “Kế hoạch rèn kỹ năng đọc thành tiếng” văn bản đã lựa chọn trong danh mục (ở bước 3): Bảng kế hoạch nên có các cột như: (1) Tuần 1, (2) Thứ, (3) Tên văn bản đọc, (4) Thời gian, (5) Đã hoàn thành, (6) Tự đánh giá mức độ đọc thành tiếng văn bản...

Về tự đánh giá và đánh giá trong nhóm kết quả rèn luyện kỹ năng đọc của cá nhân SV:

Mỗi khi tự rèn kỹ năng đọc thành tiếng xong một văn bản, SV phải tự đánh giá sơ bộ mức độ đạt được của mình khi đọc văn bản ấy như: đọc đúng hay còn nghi ngờ phát âm sai tiếng nào? Đọc trôi chảy hay còn vấp từ nào? Đọc đã truyền cảm hay chưa?...

Tuy nhiên, nếu chỉ tự đánh giá về mức độ đạt được khi rèn kỹ năng đọc thành tiếng thì có thể sẽ không chính xác. Do vậy, SV nên lập thành các nhóm từ 3 đến 5 người để giám sát hoạt động rèn kỹ năng đọc của nhau và tự đánh giá kết quả rèn kỹ năng đọc của mỗi người. Bởi vì, khi rèn kỹ năng đọc thành tiếng và diễn cảm đòi hỏi phải có người nghe. Chính

người nghe là các SV trong nhóm sẽ phát hiện ra lỗi cụ thể của người đọc (về lỗi phát âm, ngắt nghỉ hơi, nhấn giọng, ngắt nhịp thơ, đọc chưa trôi chảy...) hoặc giọng đọc có truyền cảm hay không? Các nhóm SV có chung nhiệm vụ rèn kỹ năng đọc có thể tổ chức gặp nhau một vài giờ hoặc một buổi (sau khi từng SV đã tự rèn đọc thành tiếng văn bản môn Tiếng Việt theo kế hoạch riêng của mỗi người) sau hai, ba hay bốn tuần. Trên cơ sở giám sát, tự đánh giá của bản thân và đánh giá của các thành viên trong nhóm, mỗi SV sẽ nhận ra điểm mạnh và yếu của mình khi tự rèn kỹ năng đọc. Nếu như đọc còn có sai sót hay chưa đạt yêu cầu như mục tiêu mong muốn đặt ra, SV nên bổ sung, điều chỉnh kế hoạch tự rèn kỹ năng đọc của mình để đạt hiệu quả cao hơn...

3. Kết luận

Trong dạy học ở tiểu học nói chung, dạy học môn Tiếng Việt nói riêng, kỹ năng đọc thành tiếng diễn cảm văn bản là một phần của năng lực nghề nghiệp đối với GV tiểu học. Yêu cầu dạy đọc văn bản môn Tiếng Việt (bài đọc hiểu) cũng như yêu cầu đọc làm mẫu (để hướng dẫn cách đọc bài cho HS các lớp tiểu học) đòi hỏi GV không chỉ đọc thành tiếng đúng, lưu loát, trôi chảy mà còn phải đọc diễn cảm (truyền cảm xúc mà tác giả thể hiện trong văn bản đọc) đến với HS. Do vậy, khi còn học tập ở Trường Đại học Đồng Tháp để trở thành người GV tiểu học trong tương lai, SV ngành GDTH cần phải được nghiên cứu, rèn luyện để chiếm lĩnh kỹ năng đọc thành tiếng và đạt đến mức hoàn thiện, trở thành tiềm lực trong năng lực nghề nghiệp mà họ được đào tạo. Tuy nhiên, để đạt được kỹ năng đọc như mong muốn, đòi hỏi phải có thời gian và sự kiên trì luyện tập của SV. Và, khi mà chương trình đào tạo không thể dành nhiều thời gian cho SV luyện tập trên lớp học thì giải pháp chủ yếu là SV phải tự rèn đọc ngoài hoạt động học tập trên lớp. Vì vậy, ở bài báo này, chúng tôi hướng tới đề xuất một số biện pháp (trong đó có ba biện pháp được trình bày ở trên) để nâng cao chất lượng kỹ năng đọc thành tiếng văn bản môn Tiếng Việt cho SV. Các biện pháp được đề xuất, xuất phát từ cơ sở lý luận khoa học của hoạt động đọc và sở thực tiễn (thực trạng kỹ năng đọc thành tiếng của SV đầu năm thứ hai). Các biện pháp được đề xuất theo logic tiếp cận về phương pháp của quá trình nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng kỹ năng đọc của SV là: *Từ nhận thức và phát huy tính tích cực chủ động trong hoạt động rèn luyện kỹ năng đọc đến việc dựa vào đặc điểm thể loại của văn bản nhằm phân biệt các loại văn bản đọc trong môn Tiếng Việt ở tiểu học để xác định cách đọc thích*

hợp đối với mỗi kiểu loại văn bản, và lập kế hoạch tự rèn đọc, tự đánh giá mức độ đạt được về kỹ năng đọc thành tiếng và diễn cảm của mình và đánh giá kết quả rèn kỹ năng đọc thành tiếng văn bản môn Tiếng Việt trong nhóm SV. Các biện pháp trên bước đầu, đã góp phần giúp SV ngành Giáo dục Tiểu học nâng cao được chất lượng rèn kỹ năng đọc thành tiếng văn bản môn Tiếng Việt ở tiểu học.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Đồng Tháp, mã số SPD2022.01.29.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*. *Công Thông tin điện tử*. Truy cập từ <https://luatvietnam.vn/giao-duc/thong-tu-32-2018-tt-bgdtdt-ban-hanh-chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-moi-169745-d1.html>.
- Hoàng, P. (Chủ biên), Hoàng, T. T. L., Vũ, X. L., Phạm, T. T., Đào, T. M. T., & Đặng, T. H. (2020). *Từ điển Tiếng Việt*. Trung tâm Từ điển học: NXB Đà Nẵng.
- Lê, P. N., & Đặng, K. N. (2007). *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học*. NXB Đại học Sư phạm và NXB Giáo dục.
- Nguyễn, T. L. K. (Chủ biên), Nguyễn, T. N. B., Trịnh, C. L., Nguyễn, L. H. N., Phạm, T. K. O., Bùi, T. T., & Nguyễn, T. X. Y. (2021). *Sách giáo viên Tiếng Việt 2 (Quyển 2)*. *Chân trời sáng tạo*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn, T. L. K., Trịnh, C. L. (Đồng Chủ biên), Trần, V. C., Phạm, T. K. O., & Bùi, T. T. (2022a). *Sách giáo viên Tiếng Việt 3. Chân trời sáng tạo (Quyển 1)*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn, T. L. K., Trịnh, C. L. (Đồng Chủ biên), Nguyễn, T. T. H., Phạm, K. B. L., Phạm, T. K. O., & Bùi, T. T. (2022b). *Sách giáo viên Tiếng Việt 3 (Quyển 2)*. *Chân trời sáng tạo*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Trường Đại học Đồng Tháp. (2018, 2019 và 2020). *Chương trình giáo dục đại học cử nhân ngành Giáo dục tiểu học (Ban hành kèm theo các quyết định số 1149/QĐ-ĐHDT, 1985a/QĐ-ĐHDT, 1688/QĐ-ĐHDT)*.